VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1395/QĐ-VHL	*Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2018 (kinh phí điều chỉnh đợt tháng 6/2018)

CHỦ TỊCH VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 60/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch- Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán chi NSNN năm 2018 (điều chỉnh kinh phí đợt tháng 6/2018) cho các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN, (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm;
- Phó Chủ tịch Nguyễn Đình Công;
- Bộ Tài chính;
- Website;
- Lưu: VT, KHTC,PTH

CHỦ TỊCH

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Châu Văn Minh

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
CHƯƠNG: 046

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2018

(Đợt điều chỉnh kinh phí tháng 6 năm 2018)

(Kèm theo Quyết định số 1395 /QĐ-VHL ngày 25 / 7 /2018 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ	Bao gồm						Kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Bao gồm						Kinh phí sự nghiệp văn hóa thông tin	Bao gồm		Kinh phí sự nghiệp môi trường	Bao gồm		Ghi chú
			KP th.hiện nhiệm vụ KHCN		KP thường xuyên		KP không thường xuyên			Kinh phí đào tạo sau đại học				Kinh phí đào tạo đại học								
										Kinh phí thường xuyên		KP không thường xuyên		Kinh phí thường xuyên	KP không thường xuyên							
			Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm		Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm		Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm		Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	
Tổng số được giao đến 25/7/2018:		**1.041.117,00**							**57.220,00**							**16.320**			**5.360**			
Tổng số đã thực hiện phân bổ 25/7/2018:		**1.041.117,00**							**57.220,00**							**16.320**			**5.360**			
Tổng kinh phí thực hiện điều chỉnh		**0,000**	**17.000,000**	**18.700,000**	**779,064**	**4.578,537**	**11.075,773**	**5.576,300**	**0,00**	**801,2**	**0,0**	**28,0**	**56,8**	**2.412,6**	**3.185,0**	**0**	**400**	**400**	**0**	**300**	**300**	
1	Viện Toán học	**280,000**	200,000	0,000	0,000	0,000	80,000	0,000	**-0,80**	0,0		28,0	28,8	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
2	Viện Công nghệ thông tin	**211,000**	0,000	0,000	195,000	4,000	20,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
3	Viện Cơ học	**0,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
4	Viện Khoa học vật liệu	**-24,064**	400,000	400,000	60,000	84,064	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
5	Viện Vật lý	**-10,000**	0,000	0,000	0,000	10,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
6	Viện Hóa học	**200,000**	200,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
7	Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên	**200,000**	200,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
8	Viện Công nghệ Sinh học	**5.028,000**	5.000,000	0,000	0,000	2,000	30,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
9	Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật	**115,000**	100,000	0,000	0,000	0,000	15,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
10	Viện Địa lý	**0,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
11	Viện Địa chất	**80,000**	100,000	0,000	0,000	20,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
12	Viện Vật lý địa cầu	**118,000**	100,000	0,000	0,000	2,000	20,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
13	Viện Kỹ thuật nhiệt đới	**1.100,000**	100,000	0,000	0,000	0,000	1.000,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
14	Viện Cơ học và Tin học ứng dụng	**20,000**	0,000	0,000	20,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
15	Viện Công nghệ hóa học	**0,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
16	Viện Sinh học nhiệt đới	**0,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	

TT	Tên đơn vị	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ	Bao gồm						Kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Bao gồm						Kinh phí sự nghiệp văn hóa thông tin	Bao gồm		Kinh phí sự nghiệp môi trường	Bao gồm		Ghi chú
			KP th.hiện nhiệm vụ KHCN		KP thường xuyên		KP không thường xuyên			Kinh phí đào tạo sau đại học				Kinh phí đào tạo đại học								
										Kinh phí thường xuyên		KP không thường xuyên		Kinh phí thường xuyên	KP không thường xuyên							
			Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm		Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm		Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm		Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	
17	Viện Hải dương học	**4.000,000**	4.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
18	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Nha	**200,000**	200,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
19	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng	**100,000**	100,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
20	Viện Vật lý Tp.HCM	**-15,000**	0,000	0,000	0,000	15,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
21	Viện Địa lý tài nguyên Tp.HCM	**-684,000**	0,000	400,000	0,000	300,000	16,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
22	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên	**0,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
23	Viện Tài nguyên và môi trường biển	**199,500**	200,000	0,000	0,000	0,500	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
24	Viện Địa chất và Địa vật lý biển	**100,000**	100,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
25	Viện Vật lý ứng dụng và thiết bị khoa học	**0,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
26	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	**520,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	520,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
27	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	**-14.080,273**	0,000	14.400,000	0,000	4.140,973	6.407,000	1.946,300	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**-300**	0	300	
28	Văn phòng đại diện tại Tp.HCM	**30,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	30,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
29	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ	**100,000**	100,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
30	Viện Công nghệ môi	**0,000**	1.500,000	1.500,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
31	Viện Khoa học năng lượng	**0,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
32	Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ	**155,160**	0,000	0,000	0,000	0,000	155,160	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	400	400	0	**0**	0	0	
33	Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam	**600,000**	500,000	500,000	0,000	0,000	600,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	-400	0	400	**0**	0	0	
34	Viện Công nghệ vũ trụ	**200,000**	200,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
35	Trung tâm Phát triển công nghệ cao	**1.724,064**	2.500,000	1.500,000	84,064	0,000	640,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**300**	300	0	
36	Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung	**942,613**	0,000	0,000	0,000	0,000	942,613	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	

TT	Tên đơn vị	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ	Bao gồm						Kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Bao gồm						Kinh phí sự nghiệp văn hóa thông tin	Bao gồm		Kinh phí sự nghiệp môi trường	Bao gồm		Ghi chú
			KP th.hiện nhiệm vụ KHCN		KP thường xuyên		KP không thường xuyên			Kinh phí đào tạo sau đại học				Kinh phí đào tạo đại học								
										Kinh phí thường xuyên		KP không thường xuyên		Kinh phí thường xuyên	KP không thường xuyên							
			Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm		Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm		Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm		Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	
37	Trung tâm Tin học và tính toán	**0,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
38	Viện Hoá sinh biển	**170,000**	300,000	0,000	0,000	0,000	0,000	130,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
39	Trung tâm Vũ trụ Việt	**760,000**	400,000	0,000	300,000	0,000	60,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
40	VP Chương trình Tây Nguyên 2016-2020	**0,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
41	Viện Nghiên cứu hệ Gen	**40,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	40,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
42	Viện Sinh thái học miền Nam	**0,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
43	Học viện Khoa học và công nghệ	**500,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	500,000	0,000	**773,20**	801,2		0,0	28,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
44	Viện Hàn lâm KHCNVN-Đoàn ra	**-3.500,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	3.500,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
45	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	**620,000**	500,000	0,000	120,000	0,000	0,000	0,000	**-772,40**	0,0		0,0	0,0	2.412,6	3.185,0	**0**	0	0	**0**	0	0	
46	Ban Quản lý dự án xây dựng Đại học khoa học và công nghệ Hà Nội	**0,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	**0,00**	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	**0**	0	0	**0**	0	0	